TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban, bà Nguyễn Thị Tuyết.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến– Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 319/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T. Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình C. Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường E, tp. Buôn Ma T, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Điệp Tr và bà Nguyễn Thị H Địa chỉ: Khối N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2023, tại bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình C trình bày:*

Do có quan hệ quen biết, là người địa phương nên bà Lê Thị T có cho vợ chồng ông Nguyễn Điệp Tr, bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền 238.000.000 đồng, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 22/08/2014, bà Lê Thị Thuỷ cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 39.930.000 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Trong giấy vay này là chữ viết của bà H, chữ viết "nhận hộ Lan" là do bà H viết nên bà T cũng không rõ ý nghĩa của chữ "nhận hộ Lan" là gì, vì chữ này không phải do bà T viết, bà T chỉ cho bà H vay số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 24/04/2015, cho vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 12.430.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn).

Trong giấy vay này là chữ viết của bà H, chữ viết "cho Lan Hạnh" là do bà H viết nên bà T cũng không rõ ý nghĩa của chữ "cho Lan Hạnh" là gì, vì chữ này không phải do bà T viết, bà T chỉ cho bà H vay số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 24/05/2015, cho vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 61.600.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Ngày 28/05/2015, cho vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 12.320.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ngày 17/06/2015, cho vay số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 54.945.000 đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Ngày 10/02/2016, cho vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 11.330.000 đồng (Mười một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trong giấy vay này là chữ viết của bà H, chữ viết "lấy của con cô" là do

bà H viết. Ngày 10/02/2016, do bà T đi vắng nên bà T nhờ con bà T đưa cho bà H vay 10.000.000 đồng.

- Ngày 20/03/2016, cho vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 16.830.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

- Ngày 23/03/2016, cho vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Đến ngày 24/10/2023, bà H có trả cho tôi được số tiền gốc của khoản vay này, còn chưa trả tiền lãi. Vì vậy, khoản vay này bà H chỉ còn trả cho tôi số tiền lãi của khoản vay này từ ngày 24/3/2016 đến ngày 24 /10/2023 là 18.400.000 đồng.

- Ngày 02/06/ 2016, cho vay số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Ngày 06/06/2016, cho vay số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Ngày 24/06/2016, cho vay số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 2.178.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

- Ngày 29/06/2016, cho vay số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 3.267.000 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

- Ngày 29/06/2016, cho vay số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 11. 979.000 đồng (Mười một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

- Ngày 26/07/2016, cho vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng); lãi suất thoả thuận miệng 1,1%/tháng; Thời hạn trả khi nào cần bà Thuỷ báo trước nửa tháng, thì vợ chồng ông bà Trường, Huyên phải hoàn trả đầy đủ. Lãi suất tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm là: 26.950.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tất cả các giấy vay trên đề do bà H người viết và là người ký nhận vay. Do thời gian vay đã lâu, mặc dù đầu năm 2023 bà T đã báo trước cho ông Huyên, ông Tr việc trả nợ cũng như đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà H, ông Tr không trả thêm được cho bà T được thêm khoản tiền gốc và lãi nào. Vì vậy, bà Thuỷ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Tr, bà H phải trả số tiền gốc là 218.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2024 là 261.459.000 đồng.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Toà án bị đơn ông Nguyễn Điệp Tr trình bày:***

Ông Tr và bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ là vợ chồng, tuy nhiên đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay.

Vào khoảng từ năm 2008 đến nay 2012, vợ chồng ông Tr, bà H có vay tiền của bà T để làm ăn nhưng đã trả hết. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng ông Tr, bà H mâu thuẫn do việc làm ăn không thuận lợi nên ông Tr không còn vay tiền của bà T nữa. Vì vậy, việc bà H vay tiền của bà T từ năm 2014 cho đến nay ông Tr không biết, bà H cũng không nói cho ông Tr biết về việc vay tiền của bà T như bà T trình bày, ông Tr cũng không biết bà H vay tiền nhằm mục đích gì vì không thấy bà H vay tiền về sử dụng chung trong gia đình.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Tr và bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay gốc là 218.000.000 đồng và tiền lãi như bà T yêu cầu thì ông Tr không đồng ý. Vì việc bà H vay tiền của bà T nhằm phục vụ mục đích riêng của bà H, không liên quan đến việc làm ăn của gia đình nên bà H phải tự mình có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc và lãi này.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ gốc 218.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 261.459.000 đồng. Không chấp chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông Tr phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 218.000.000 đồng và tiền lãi là 261.459.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Điệp Tr, bà Nguyễn Thị H phải trả số nợ là 479.459.000 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Ea Kar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại khối 5, thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà H theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

* Về nội dung:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do. Để đảm quyền, lợi ích của các bên đương sự và theo đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị H trong giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H. Trong quá trình thu thập chữ viết, chữ ký của bị đơn, Tòa án thu thập được chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị H trong "Hợp đồng thế chấp tài sản" số 147/08/TC ngày 11/8/2008 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk – Chi nhánh thị trấn Ea Knốp dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" và đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Tại kết luận giám định số 1150/KL-KTHS ngày 13/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Huyên dưới mục "Người vay" trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Huyên dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

* Đối với việc, bà T yêu cầu ông Nguyễn Điệp Tr và bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T số tiền gốc và lãi trên, HĐXX nhận thấy như sau: Trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông Tr không thừa nhận cùng bà H vay của bà T số tiền này, trong các giấy vay tiền mà bà T đưa ra làm chứng cứ khởi kiện cũng không có chữ ký, chữ viết của ông Tr. Mặt khác, ngoài những lời trình bày, thì bà T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc bà H vay tiền của bà T về nhằm mục đích phục vụ cuộc sống gia đình của vợ chồng ông Tr, bà H. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà T về việc buộc ông Tr cùng bà H có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay gốc và lãi là 479.459.000 đồng.

[3] Xét thấy khoản tiền mà bà H vay của bà T đã lâu nhưng bà H không trả được cho bà T khoản tiền gốc và lãi nào, bà T đã có thông báo yêu cầu trả nợ nhưng bà H cũng không trả cho bà T được khoản tiền nào là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu khởi kiện buộc bà H phải trả cho bà T khoản nợ gốc 218.000.000 đồng và tiền lãi tính với mức lãi suất 1,1%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm là 261.459.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy cần buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T số tiền nợ 479.459.000 đồng, trong đó nợ gốc là 218.000.000 đồng và tiền lãi là 261.459.000 đồng. Đồng thời không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông Tr phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 218.000.000 đồng và tiền lãi là 261.459.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị T có đơn yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị H, chi phí giám định là 6.750.000 đồng. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của Thủy là có căn cứ nên HĐXX cần buộc bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho Thủy số tiền chi phí giám định là 6.750.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật *(theo mức tính 20.000.000 đồng +(79.459.000 đồng x 4%))*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ là 479.459.000 đồng, trong đó nợ tiền gốc là 218.000.000 đồng và tiền lãi là 261.459.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Bác một phần yêu cầu của bà Lê Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Điệp Tr phải có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị H trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ là 479.459.000 đồng, trong đó nợ tiền gốc là 218.000.000 đồng và tiền lãi là 261.459.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Lê Thị Thủy số tiền 6.750.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị H.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 23.972.950 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Lê Thị T thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh